

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 4 và thay thế Phụ lục I của Thông tư số 164/2019/TT-BQP ngày 03 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn, định lượng, mức tiền ăn, tiền thuốc bổ thường xuyên đối với huấn luyện viên, vận động viên và giáo viên thể dục, thể thao trong Quân đội**

*Căn cứ Nghị định số 76/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với quân nhân tại ngũ, công nhân và viên chức quốc phòng;*

*Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính Bộ Quốc phòng;*

*Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 4 và thay thế Phụ lục I của Thông tư số 164/2019/TT-BQP ngày 03 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn, định lượng, mức tiền ăn, tiền thuốc bổ thường xuyên đối với huấn luyện viên, vận động viên và giáo viên thể dục, thể thao trong Quân đội.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 4 và thay thế Phụ lục I của Thông tư số 164/2019/TT-BQP ngày 03 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn, định lượng, mức tiền ăn, tiền thuốc bổ thường xuyên đối với huấn luyện viên, vận động viên và giáo viên thể dục, thể thao trong Quân đội**

1. Khoản 8 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“8. Thời gian, quân số được hưởng

a) Thời gian, quân số được hưởng thực hiện theo danh sách phê duyệt hoặc quyết định của Tổng Tham mưu trưởng;

b) Đối với vận động viên tập trung huấn luyện để tuyển chọn vào đội năng khiếu được Tổng Tham mưu trưởng quyết định thành lập, thời gian được hưởng không quá 60 ngày;

c) Vận động viên nghiệp dư chưa đạt đẳng cấp được hưởng theo số ngày thực tế tập luyện.”

2. Thay thế Phụ lục I về mức tiền ăn và tiền thuốc bổ bằng Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

### **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

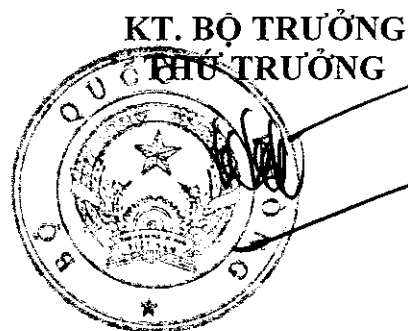
Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 02 tháng 9 năm 2022.

### **Điều 3. Trách nhiệm thi hành**

Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần, Cục trưởng Cục Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

#### **Nơi nhận:**

- Đ/c Bộ trưởng BQP (đề b/cáo);
- Lãnh đạo Bộ Quốc phòng;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng;
- C17, C34, C41, C55;
- Vụ Pháp chế/BQP;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Quốc phòng;
- Lưu: VT, THBĐ; MC86.



**Thượng tướng Vũ Hải Sản**

Phụ lục I

MỨC TIỀN ĂN VÀ TIỀN THUỐC BỔ

(Kèm theo Thông tư số 53 /2022/TT-BQP ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

Đơn vị tính: Đồng/người/ngày.

	Đối tượng	Mức tiền ăn	Mức tiền thuốc bổ
Mức 1	Huấn luyện viên, vận động viên các đội bóng thi đấu ở hạng cao nhất quốc gia; Vận động viên kiện tướng ở các môn thể thao khác đang được công nhận, huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện vận động viên kiện tướng.	129.000	26.000
Mức 2	Huấn luyện viên, vận động viên các đội bóng hạng A1 quốc gia và các đội bóng kế cận cho các đội bóng hạng cao nhất quốc gia; Vận động viên dự bị kiện tướng và cấp 1 quốc gia được công nhận, huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện vận động viên dự bị kiện tướng và cấp 1 quốc gia; Vận động viên giành huy chương tại giải trẻ (từ 16 tuổi trở lên) nhưng chưa đạt đẳng cấp dự bị kiện tướng hoặc cấp 1 quốc gia.	115.000	23.000
Mức 3	Huấn luyện viên, vận động viên kế cận cho các đội bóng hạng A1 quốc gia; Huấn luyện viên, vận động viên thuộc đội năng khiếu thể thao được Tổng Tham mưu trưởng quyết định thành lập.	102.000	20.000
Mức 4	Vận động viên năng khiếu nghiệp dư thuộc các trung tâm, đoàn, đội thể thao được Tổng Tham mưu trưởng quyết định cho mở lớp đào tạo; Vận động viên tập trung huấn luyện để tuyển chọn vào đội tuyển, đội năng khiếu được Tổng Tham mưu trưởng quyết định thành lập; Vận động viên nghiệp dư chưa đạt đẳng cấp (nếu đạt đẳng cấp thì được hưởng chế độ theo đẳng cấp được công nhận).	87.000	17.000
Mức 5	Giáo viên trực tiếp giảng dạy thể dục, thể thao ở các học viện, nhà trường trong Quân đội.	87.000	